TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5 - HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **365/2026/DS-ST**
Ngày 16 tháng 07 năm 2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà **Nguyễn Thị Hồng Hạnh**
Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Lê Kim Phương**
Bà **Vũ Thị Thuỷ**
Thư ký phiên toà: Bà **Phạm Hồng Hà –** Thẩm tra viên
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5 – Hà Nội tham gia phiên toà: Bà **Nguyễn Thanh Hương -** Kiểm sát viên.

Trong các ngày 13/07/2026 và 16/7/2026, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Khu vực 5 - Hà Nội xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 268/2026/TLST-DS ngày 14/10/2025 về việc *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng";* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 195/2026/QĐXX-DS, ngày 08/06/2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 196/2026/QĐST-HPT ngày 26/06/2026, giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn:*** **Công ty Tài chính TNHH Ngân hàng S**; địa chỉ: Tòa nhà Gelex, số 52 Lê Đại Hành, phường H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông/bà Olena K, chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đinh Minh T, chức vụ: Giám đốc Khối Hỗ trợ thanh toán khoản vay - Công ty Tài Chính TNHH Ngân hàng TMCP S (Theo Văn bản ủy quyền số 0357/2025/UQ -TGĐ ngày 30/06/2025 của Tổng Giám đốc).

Người đại diện tham gia tố tụng tại Toà án của nguyên đơn: Bà Hoàng Minh A, sinh năm 2002. CCCD số: 03402003xxx; cấp ngày: 14/12/2022; nơi cấp: Cục CSQLHC về TTXH (Theo giấy ủy quyền số 14/2025/UQ-KK-PDTQ ngày 15/09/2025) (có mặt).

**** Bị đơn***: Ông **Đỗ Ngọc N**, sinh năm: 1992;
Địa chỉ thường trú: thôn Trung, xã P, thành phố Hà Nội (vắng mặt).
CCCD Số: 001092021xxx do Cục CSQLHC về TTXH cấp ngày 10/05/2021;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các bản tự khai tại Tòa án, nguyên đơn Công ty Tài chính TNHH Ngân hàng TMCP S do do bà Hoàng Minh A đại diện theo ủy quyền trình bày:

Công ty Tài chính TNHH Ngân hàng TMCP S đã ký 02 tổng tín dụng với ông Đỗ Ngọc N. Theo đó, 02 hợp đồng tín dụng mà ông Đỗ N đã ký với Công ty Tài chính TNHH Ngân hàng TMCP S là:

- Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng cho vay số 112107263178502 giải ngân ngày 26/07/2021, theo S đã đồng ý cho ông N vay số tiền 53.000.000 đồng, thời hạn vay 36 tháng, mục đích vay tiêu dùng;

- Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng cho vay số 142206204577036 giải ngân ngày 20/06/2022, theo S đã đồng ý cho cho ông N vay số tiền 27.560.000 đồng, thời hạn vay 30 tháng, mục đích vay tiêu dùng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, khách hàng vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng tín chấp đã ký. Phía S đã nhiều lần liên hệ và tạo điều kiện cho ông Đỗ Ngọc N thanh toán, nhưng ông N cố tình tránh né không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho S. Công ty Tài chính TNHH Ngân hàng TMCP S đã nộp đơn khởi kiện ông Đỗ Ngọc Nam ra Tòa án nhân dân Khu vực 5 - Hà Nội để giải quyết theo đúng quy định của pháp luật.

Tạm tính đến ngày 08/06/2026 tổng dư nợ đối với 02 Hợp đồng tín dụng của ông Đỗ Ngọc Nam tại S là: 181.964.469 đồng. Trong đó:

- Hợp đồng cho vay **số 112107263178502**: Nợ gốc: 37.230.834 đồng; nợ lãi: 71.385.279 đồng. Tổng nợ: 108.616.113 đồng

- Hợp đồng cho vay **số 142206204577036**: Nợ gốc: 25.141.946 đồng; nợ lãi: 48.206.410 đồng. Tổng nợ: 73.348.356 đồng

Mặc dù S đã yêu cầu ông N có trách nhiệm thanh toán, tuy nhiên ông N vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho S, vi phạm các điều khoản đã qui định tại Hợp đồng đã ký. S khởi kiện đến Tòa án, đề nghị Tòa giải quyết những vấn đề sau đây đối với bị đơn:

- Buộc ông Đỗ Ngọc N phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán một lần ngay khi bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật toàn bộ nợ gốc và nợ lãi tạm tính đến hết ngày 08/06/2026 như sau:

+ Nợ gốc của Hợp đồng số 112107263178502 và Hợp đồng số 142206204577036 là 62.372.780 đồng;

+ Nợ lãi của Hợp đồng số 112107263178502 và Hợp đồng số 142206204577036 là 119.591.689 đồng.

Tổng cộng nợ của hai hợp đồng là 181.964.469 đồng.

- Ông Đỗ Ngọc N phải thanh toán cho S tiền lãi phát sinh theo quy định tại 02 hợp đồng đã ký kể từ ngày 09/06/2026 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

****Về phía bị đơn***: Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Đỗ Ngọc N từ giai đoạn Thông báo thụ lý vụ án cho đến khi Tòa án mở phiên tòa xét xử theo đúng quy định của pháp luật nhưng ông Nam không đến Tòa án và không có ý kiến phản hồi. Do ông Đỗ Ngọc N không đến Tòa

án làm việc nên Tòa án không lấy được lời khai của ông N đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa,

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Hoàng Minh A cung cấp bản tự khai và bảng kê chi tiết công nợ của ông N tính đến ngày 16/07/2016; Giấy chứng nhận quyềm sử dụng chứng thư số FPT CA của Trung tâm dịch vụ chứng thực chữ ký số FPT nhứng nhận cho thuê bao của ông Đỗ Ngọc N (chữ ký số) ngày 21/04/2025; Đơn đề nghị xác nhận thông tin chuyển tiền ngày 20/12/2024. Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện tại Tòa án, cụ thể: Công ty Tài chính TNHH Ngân hàng TMCP S đã ký Hợp đồng vay vốn số 112107263178502 ngày 26/07/2021 và hợp đồng số 142206204577036 ngày 20/06/2022 với ông Đỗ Ngọc N. Theo đó, hai hợp đồng vay vốn mà ông N đã ký với Công ty tài chính TNHH Ngân hàng TMCP S là:

- Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng cho vay giải ngân số 112107263178502 ngày 26/07/2021, S đã đồng ý cho ông N vay số tiền 53.000.000 đồng thời hạn vay 36 tháng với lãi suất 36%/năm, mục đích vay tiêu dùng. Trong đó tổng số tiền ông N đã thanh toán là 36.250.000 đồng, trong đó tổng tiền gốc đã thanh toán là 15.769.166 đồng, tổng tiền lãi đã thanh toán là 20.468.434 đồng.

- Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng cho vay giải ngân số 142206204577036 ngày 20/06/2022, Công ty S đã cho ông N vay số tiền 27.560.000 đồng, thời hạn vay 36 tháng với lãi suất 36%/năm, mục đích vay tiêu dùng. Trong đó tổng số tiền ông N đã thanh toán là 36.250.000 đồng, trong đó tổng tiền gốc đã thanh toán là 15.769.166 đồng, tổng tiền lãi đã thanh toán là 20.468.434 đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông N vi phạm nghĩa vụ thanh toán cả hai Hợp đồng vay vốn đã ký kể từ ngày 21/11/2022. Phía Công ty S đã nhiều lần liên hệ và tạo điều kiện cho ông N thanh toán nhưng ông N cố tình né tránh không thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Công ty S. Công ty Tài chính TNHH Ngân hàng TMCP S đã khởi kiện ông N ra Tòa án nhân dân Khu vực 5 – Hà Nội để giải quyết theo đúng quy định của pháp luật. Tạm tính đến hết ngày 16/07/2026, tổng yêu cầu khởi kiện đối với 02 Hợp đồng vay vốn của ông N tại S là 185.471.015 đồng.

Trong đó nợ gốc là 62.372.780 đồng và nợ lãi là 123.098.780 đồng. Cụ thể, hợp đồng số 112107263178502 tổng nợ là 110.709.200 đồng (nợ gốc là 37.230.834 đồng và nợ lãi là 73.478.366 đồng) và hợp đồng 142206204577036 tổng nợ là 74.761.815 đồng (nợ gốc là 25.141.946 đồng và nợ lãi là 49.619.869 đồng). Đề nghị Toà án buộc ông Đỗ Ngọc N phải thực hiện các nghĩa vụ sau:

1. Buộc ông N phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán một lần 02 hợp đồng ngay khi bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật toàn bộ nợ gốc và nợ lãi (tạm tính đến hết ngày 13/07/2026) là 185.194.182 đồng. Trong đó nợ gốc là 62.372.780 đồng và nợ lãi là 122.821.402 đồng. Cụ thể, hợp đồng số 112107263178502 tổng nợ là 110.543.956 đồng (nợ gốc là 37.230.834 đồng và nợ lãi là 73.313.122 đồng) và hợp đồng 142206204577036 tổng nợ là 74.650.226 đồng (nợ gốc là 25.141.946 đồng và nợ lãi là 49.508.280 đồng).

2. Ông Đỗ Ngọc N còn phải thanh toán toàn bộ tiền lãi quá hạn phát sinh theo quy định tại 02 hợp đồng đã ký cho nguyên đơn kể từ ngày 17/07/2026, cho đến khi thanh toán xong toàn bộ nghĩa vụ thanh toán.

Ông Đỗ Ngọc N phải chịu toàn bộ án phí, phí thi hành án, chi phí phát sinh liên quan.

Bị đơn là ông Đỗ Ngọc N đã được Toà án tống đạt hợp lệ Quyết định hãon phiên toà nhưng vắng mặt không có lý do và không có văn bản trình bầy ý kiến về quan điểm giải quyết vụ án gửi Toà án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5 – Hà Nội có quan điểm:

- *Về tố tụng*: Thẩm phán chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Toà án cho các đương sự. Về thu thập tài liệu chứng cứ, tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 97, Điều 208, Điều 209, Điều 210, Điều 211 Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật. Bị đơn là ông Đỗ Ngọc N mặc dù đã được tống đạt hợp lệ bằng phương thức trực tiếp và niêm yết công khai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên việc xét xử vắng mặt bị đơn là có căn cứ. Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự đối với phiên toà sơ thẩm.

- *Về nội dung*: Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" của Công ty tài chính TNHH Ngân hàng TMCP S đối với ông Đỗ Ngọc N; Buộc ông Nam phải trả cho Công ty tài chính TNHH Ngân hàng TMCP S số tiền nợ gốc của 02 hợp đồng tạm tính đến ngày 16/7/2026 là 62.372.780 đồng và nợ lãi theo quy định của pháp luật. Trong đó, hợp đồng số 112107263178502 nợ gốc là 37.230.834 đồng và hợp đồng 142206204577036 nợ gốc là 25.141.946 đồng; Ông Đỗ Ngọc N tiếp tục phải trả lãi theo lãi suất thỏa thuận trong các hợp đồng đã ký cho đến khi thanh toán hết toàn bộ khoản vay. Ông Đỗ Ngọc N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến của Viện kiểm sát; Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thẩm quyền: Tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn phát sinh từ Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng cho vay giải ngân số 112107263178502 ngày 26/07/2021 và Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng cho vay giải ngân số 142206204577036 ngày 20/06/2022. Nguyên đơn là Công ty tài chính TNHH Ngân hàng TMCP S có đăng ký kinh doanh và là tổ chức kinh doanh có mục đích lợi nhuận. ông Đỗ Ngọc N là cá nhân không có đăng ký kinh doanh và việc vay tiền là để tiêu dùng cá nhân. Do đó, Công ty tài chính TNHH Ngân hàng TMCP S khởi kiện yêu cầu ông N phải trả số tiền nợ vay vốn gồm nợ gốc và lãi còn thiếu đây là vụ án "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" và là tranh chấp về hợp đồng dân sự. Bị đơn có HKTT và hiện ở tại thôn Trung, xã D, huyện G, Hà Nội, Nay là: thôn Trung, xã G, thành phố Hà Nội, căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố

tụng dân sự, Tòa án nhân dân Khu vực 5 – Hà Nội thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

***2. Về tố tụng*:** Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân Khu vực 5 - Hà Nội đã tống đạt hợp lệ cho ông Đỗ Ngọc N bằng phương thức trực tiếp tại gia đình và niêm yết công khai thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, thông báo về phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ, phiên hòa giải (02 lần) và trực tiếp các văn bản tố tụng khác nhưng ông Đỗ Ngọc N đều vắng mặt không có lý do.

Ngày 08/06/2026, Tòa án nhân dân Khu vực 5 - Hà Nội ra quyết định đưa vụ án ra xét xử số 195/2026/QĐXX-DS và ấn định phiên tòa được mở vào hồi 08 giờ 00 phút ngày 25/06/2026. Quyết định đưa vụ án ra xét xử đã được tống đạt hợp lệ cho ông N bằng phương thức niêm yết công khai theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 25/6/2026 ông N không có mặt. Tòa án ra Quyết định hoãn phiên tòa số 188/2026/QĐST-HPT ngày 25/06/2026 và ấn định phiên tòa tiếp theo được mở vào hồi 14 giờ 30 phút ngày 13/06/2026. Quyết định hoãn phiên tòa được tống đạt hợp lệ cho ông Đỗ Ngọc N bằng phương thức giao nhận trực tiếp tại địa chỉ nơi cư trú và niêm yết theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 13/07/2026, ông N vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân Khu vực 5 – Hà Nội đã tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải đúng quy định của pháp luật.

2. Về thời hiệu: Các đương sự không ai yêu cầu áp dụng thời hiệu nên Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 2 Điều 155 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 là phù hợp quy định của pháp luật.

3. Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng:

- Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng cho vay giải ngân số 112107263178502 ngày 26/07/2021 được ký kết bằng văn bản có nội dung: S đã đồng ý cho ông N vay số tiền 53.000.000 đồng thời hạn vay 36 tháng với lãi suất 36%/năm, mục đích vay tiêu dùng và Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng cho vay giải ngân số 142206204577036 ngày 20/06/2022, được ký kết có nội dung: S đã cho ông N vay số tiền 27.560.000 đồng, thời hạn vay 24 tháng với lãi suất cho vay tối đa: 3%/tháng (tương đương với lãi suất quy đổi 36%/năm); phương thức cho vay: cho vay từng lần; mục đích vay: Mua sắm đồ dùng, thiết bị gia đình; Hình thức: Giải ngân trực tiếp cho bên vay (giải ngân vào tài khoản ngân hàng của bên vay mở tại Ngân hàng T số thẻ 19037282252017 chủ tài khoản: DONGOCN… (thể hiện ở mục 1 và 1.1, 1.2, 1.3) Điều 1 của Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng cho vay), chủ thể ký kết là người có thẩm quyền, về nội dung ký kết trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Đến nay các bên không có tranh cấp về tính có hiệu lực của Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng cho vay. Nên Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng cho vay này đã phát sinh hiệu lực pháp luật và là cơ sở xem xét trách nhiệm của các bên.

Trên cơ sở Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng cho vay, Công ty S đã giải ngân qua tài khoản cho ông Đỗ Ngọc N để ông N sử dụng. Sau khi được cấp tiền vay qua tài khoản, ông N đã nhận tiền. Trong quá trình được nhận tiền vay, từ ngày được

chuyển tiền vào tài khoản đến nay ông Đỗ Ngọc N đã thanh toán cho S số tiền là: 36.250.000 đồng. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông N vẫn không có thiện trí trả nợ. ông Đỗ Ngọc N vi phạm nghĩa vụ thanh toán, ngày 21/11/2022 Công ty S đã chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn.

Ông Đỗ Ngọc N đã không thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền nợ gốc còn lại của 02 hợp đồng là 62.372.780 đồng đối với S. Công ty S đã nhiều lần đôn đốc nhắc nhở ông N trả nợ nhưng ông N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Nên căn cứ quy định của pháp luật và Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng cho vay cần phải buộc ông N phải thanh toán nợ cho Công ty S.

+ Tòa án xác định tiền gốc không đổi của cả 02 Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng cho vay là 62.372.780 đồng. Theo tóm tắt sao kê bảng nợ gốc và lãi vay Đỗ Ngọc N tính đến ngày 13/07/2026 của Công ty S về tính lãi quá hạn như sau:

Tiền gốc x (lãi trong hạn + lãi phạt quá hạn) phù hợp quy định của pháp luật tại thời điểm giao kết hợp đồng nên được chấp nhận.

Tại phiên tòa, đại diện Công ty S có bản tự khai và bảng kê chi tiết tính lãi đề nghị buộc ông Đỗ Ngọc N thanh toán tiền lãi theo biểu lãi suất cho vay do Công ty S quy định theo hợp đồng vay + với lãi suất quá hạn (có tóm tắt sao kê).

Nên số tiền lãi được tính = tiền gốc x lãi suất quy định của ngân hàng (lãi trong hạn + lãi phạt quá hạn) x thời gian chưa thanh toán.

Về lãi suất, theo tài liệu Công ty S cung cấp thì: Kể từ ngày chuyển quá hạn đến nay ông N đã thanh toán cho Công ty S số tiền 36.250.000 đồng, trong đó tổng số tiền gốc đã thanh toán là 15.769.166 đồng , tổng tiền lãi đã thanh toán là 20.468.434 đồng. Tạm tính đến ngày 13/07/2026, ông Đỗ Ngọc N còn nợ các khoản sau: tiền gốc không đổi của cả 02 Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng cho vay là 62.372.780 đồng, lãi quá hạn: 122.821.402 đồng. Tổng cộng: 185.194.182 đồng.

Cách tính lãi quá hạn như sau:

- Lãi ngày:

+ Hợp đồng số 112107263178502 thì nợ gốc là 37.230.834 đồng: 37.230.834 đồng x 3.225%/30 ngày.

Từ ngày chuyển quá hạn 21/11/2022 đến 16/07/2026: 1.334 ngày.

+ Hợp đồng số 142206204577036 nợ gốc là 25.141.946 đồng: 25.141.946 đồng x 3.225%/30 ngày.

Từ ngày chuyển quá hạn 21/11/2022 đến 16/07/2026: 1.334 ngày.

- Số ngày quá hạn: 1.334 ngày

Lãi quá hạn:

- Hợp đồng số 112107263178502 nợ gốc là 37.230.834 đồng (37.230.834 đồng x 1334 ngày = 73.478.366 đồng.

- Hợp đồng 142206204577036 nợ gốc là 25.141.946 đồng (25.141.946 đồng x 1334 ngày) = 49.619.869 đồng.

Theo đơn khởi kiện ngày 22/09/2025, bản tự khai ngày 27/10/2025 và tại phiên tòa, ngoài số tiền gốc và lãi thì Công ty S không yêu cầu thanh toán khoản phát sinh nào khác. Vì vậy, nghĩa vụ ông Đỗ Ngọc N phải thanh toán trả Công ty S tổng số nợ gốc và lãi của 02 đề nghị vay vốn theo Hợp đồng số 112107263178502 và Hợp đồng 142206204577036 tạm tính đến ngày 16/07/2026 là: 185.417.015 đồng.

4. Về án phí: Ông Đỗ Ngọc N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Công ty tài chính TNHH Ngân hàng TMCP S được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 của Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 203, Điều 220, Điều 227, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự 2015;
- Khoản 2 Điều 155, Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015;
- Căn cứ các Điều 90; 91; 95 và Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng.
- Nghị quyết số 326/2016/UBNVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;
- Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty tài chính TNHH Ngân hàng TMCP S đối với ông Đỗ Ngọc N về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng",

1) Buộc ông Đỗ Ngọc N phải thanh toán tiền nợ gốc, nợ lãi theo 02 đề nghị vay vốn là Hợp đồng số 112107263178502 và Hợp đồng 142206204577036 tạm tính đến ngày 16/07/2026 là: 185.417.015 đồng cho Công ty tài chính TNHH Ngân hàng TMCP S ngay khi bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật toàn bộ nợ gốc và nợ lãi (tạm tính đến hết ngày 16/07/2026) là **185.471.015 đồng**.

Trong đó nợ gốc là 62.372.780 đồng và nợ lãi là 123.098.235 đồng. Cụ thể, **hợp đồng số 112107263178502** tổng nợ là 110.709.200 đồng (nợ gốc là **37.230.834 đồng và nợ lãi là 73.478.366 đồng**) và **hợp đồng 142206204577036** tổng nợ là 74.761.815 đồng (**nợ gốc là 25.141.946 đồng và nợ lãi là 49.619.869 đồng**).

2) Ông Đỗ Ngọc N còn phải thanh toán toàn bộ tiền lãi quá hạn phát sinh theo quy định tại 02 hợp đồng đã ký cho Công ty tài chính TNHH Ngân hàng TMCP S kể từ ngày 17/07/2026, cho đến khi thanh toán xong toàn bộ nghĩa vụ thanh toán.

3) Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Đỗ Ngọc N phải chịu **9.273.551 đồng** án phí dân sự sơ thẩm.
- Công ty tài chính TNHH Ngân hàng TMCP S được nhận lại số tiền **3.273.469 đồng** tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0010802 ngày 09/10/2025 tại Thi hành án Dân sự quận thành phố Hà Nội.

5) Quyền kháng cáo:

- Công ty tài chính TNHH Ngân hàng TMCP S có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án;

- Ông Đỗ Ngọc N có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

** Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật có đơn xin thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên thi hành án còn phải chịu*

khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***N¬i nhËn**:*
- VKSND Khu vực 5 – Hà Nội;
- Thi hành án Dân sự thành phố Hà Nội;
- Các đương sự trong vụ án;
- Lưu HSVA.
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hồng Hạnh

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN -CHỦ TỌA PHIÊN TÒA